

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Hằng;

Ông La Văn Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Lự Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Anh H, sinh năm: 1987 – Có mặt.

ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh N.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L.

3. Những người làm chứng:

3.1. Bà Hoàng Thị C – sinh năm 1945 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L.

3.2. Chị Trần Thị L – sinh năm 1986 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Bùi Anh H trình bày về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Anh H và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 04/11/2010 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh L. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất về cách sống, cách làm ăn, thường xảy ra cãi vã nhau. Khoảng từ năm 2017, do tính chất công việc hay phải đi thị trường nên anh H cũng hay đi lại giữa các tỉnh. Đến khoảng cuối năm 2018 thì anh H thường xuyên làm ăn tại tỉnh N. Hiện nay, anh H đã thành lập công ty có trụ sở tại thôn T, xã T, mặc dù vẫn phải đi làm ăn nhưng anh H thường xuyên sinh sống ở nhà. Hiện nay anh H và chị T sống cùng nhà nhưng đã

không còn quan tâm gì đến nhau, việc ai người ấy làm. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không thành. Đến nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Bùi Anh H ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con: Anh Bùi Anh H và chị Nguyễn Thị T không ai có con riêng, có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thanh T - sinh ngày 10/7/2011; cháu Bùi Khắc H – sinh ngày 14/11/2013. Khi ly hôn, anh H nhất trí giao nuôi con chung theo nguyện vọng của các con: Giao cháu Bùi Thị Thanh T - sinh ngày 10/7/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Khắc H – sinh ngày 14/11/2013 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh Bùi Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và ngày, tháng, địa điểm đăng ký kết hôn như anh Bùi Anh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có quan hệ với người khác và thường xuyên đánh đập chị T, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh H không thay đổi. Đến năm 2019 là anh H chủ yếu sinh sống và làm ăn tại thành phố T, tỉnh N thì thoảng mới về nhà. Anh H chung sống với người khác như vợ chồng tên là Trần Thị L - sinh ngày 08/4/1993, quê quán: Q, thành phố T, tỉnh N. Đến nay chị T cũng thấy tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn với anh Bùi Anh H.

Về con: Anh Bùi Anh H và chị Nguyễn Thị T không ai có con riêng, có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thanh T - sinh ngày 10/7/2011; cháu Bùi Khắc H – sinh ngày 14/11/2013. Chị T nhất trí giải quyết theo nguyện vọng của các con. Giao cháu Bùi Thị Thanh T - sinh ngày 10/7/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Khắc H – sinh ngày 14/11/2013 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị T yêu cầu phải giải quyết dứt điểm nghĩa vụ trả nợ như sau: Yêu cầu anh Bùi Anh H phải trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền 70.000.000 đồng; yêu cầu anh H trả cho chị T số tiền 50.000.000 đồng là tiền công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân và trả 15.000.000 đồng cho anh Nguyễn Hán T là tiền công xây nhà.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và vay nợ chung. Tuy nhiên, sau khi xem xét đơn yêu cầu của chị T, ngày 10/8/2021 Tòa án ra Thông báo yêu cầu nộp tiền tạm ứng án phí và tổng đạt hợp lệ nhưng sau khi hết thời hạn 07 ngày chị T không thực hiện nghĩa vụ theo quy định; ngoài ra tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2021 chị T xác định “*Mặc dù tôi đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nhưng đến nay tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết gì*”. Do vậy, Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu chia tài sản của chị T.

Đối với các tài liệu chứng cứ chị T cung cấp để chứng minh việc anh H chung sống với người khác như vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Xét thấy, đây là những hình ảnh chụp màn hình điện thoại trên mạng xã hội facebook, ngoài những hình ảnh đã nộp chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác. Anh H chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử phạt hành chính về vấn đề chung sống với người khác như vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn có ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử anh Bùi Anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu cháu Bùi Thị Thanh T - sinh ngày 10/7/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Khắc H – sinh ngày 14/11/2013 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Anh H phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo anh Bùi Anh H yêu cầu tranh chấp Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Xét thấy, bị đơn là chị Nguyễn Thị T cư trú tại Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, anh Bùi Anh H và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh L như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Anh H và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi anh H và chị T sinh sống; lời khai của người làm chứng là hàng xóm của gia đình anh H và chị T, xác định: Hai vợ chồng anh H và chị T, sau khi kết hôn đã chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 – 2017 đã phát sinh mâu thuẫn, khoảng 02 năm trở lại đây thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, thường xuyên cãi chửi nhau hơn. Thời gian gần đây, hai vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng

không ăn cơm cùng nhau, thường anh H cùng các con sang nhà họ hàng ăn cơm, còn chị T thì tự nấu ăn ở nhà, không ăn chung với nhau nữa. về công việc: trước đây anh H có đi làm ăn xa, nay đây mai đó nhưng vẫn thường xuyên về nhà và chăm sóc con cái. Nhưng hiện nay anh H thường xuyên ở nhà và mở cửa hàng bán sơn tại nhà. Chị T làm công việc tự do ở gần nhà, trông trọt, chăn nuôi và làm thuê, ai thuê gì làm đấy.

Bản thân anh H và chị T cũng đã xác nhận hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ trước khi anh H làm ăn tại N và xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn, trong quá trình giải quyết vụ án chị T mong muốn đoàn tụ là vì muốn giữ gia đình cho con cái chứ không còn tình cảm với anh H.

Đối với các tài liệu chứng cứ chị T cung cấp để chứng minh việc anh H chung sống với người khác như vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Xét thấy, đây là những hình ảnh chụp màn hình điện thoại trên mạng xã hội facebook, ngoài những hình ảnh đã nộp chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì khác. Anh H chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử phạt hành chính về vấn đề chung sống với người khác như vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Như vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay chị T cũng đồng ý ly hôn với anh H. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H.

[3] Về nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung của hai bên đương sự là chính đáng. Tuy nhiên khi giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt quyền lợi của các con chưa thành niên.

Xét thấy, anh H và chị T đều là lao động tự do tại địa phương có thu nhập ổn định, anh H có thu nhập là 72.000.000đ/năm; Chị T có thu nhập theo xác nhận của UBND xã T là 36.500.000đ/năm. Qua xác minh tại địa phương làm rõ: Mặc dù đến nay hộ anh Bùi Anh H có tên trong danh sách hộ cận nghèo của địa phương, tuy nhiên đây là kết quả điều tra năm 2020, chưa tiến hành điều tra thực tế năm 2021. Hiện nay gia đình anh H đang sống trong 01 căn nhà xây cấp IV, có điều kiện kinh tế ổn định. Hiện nay hai con chung của anh H và chị T đều đang sống cùng bố mẹ tại Thôn T, xã T.

Tại Biên bản ghi ý kiến về nguyện vọng của các cháu Bùi Thị Thanh T và Bùi Khắc H khi bố mẹ ly hôn được lập ngày 18/8/2021: Cháu Bùi Thị Thanh T thể hiện mong muốn được tiếp tục sống với mẹ là chị Nguyễn Thị T; cháu Bùi Khắc H thể hiện mong muốn được tiếp tục sống với bố là anh Bùi Anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao cháu cháu Bùi Thị Thanh T - sinh ngày 10/7/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Bùi Khắc H - sinh ngày 14/11/2013 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng và phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý, giáo dục giới tính đối với các cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị T đều có mức thu nhập so với chi tiêu tại địa phương là đảm bảo cho cuộc sống của các cháu nên hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

[4] Về tài sản chung, vay nợ:

Anh Bùi Anh H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện V số tiền 70.000.000đ, Ngân hàng chính sách huyện V chưa yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết. Đối với các nghĩa vụ tài sản và chia tài sản chung chị T không cung cấp chứng cứ và không nộp tạm ứng án phí và ngày 18/8/2021 chị T xác định “*Mặc dù tôi đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nhưng đến nay tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết gì*”. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết,

[5] Về án phí: Anh Bùi Anh H phải chịu án phí vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn anh Bùi Anh H.

- Về hôn nhân: Anh Bùi Anh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu cháu Bùi Thị Thanh T - sinh ngày 10/7/2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Bùi Khắc H - sinh ngày 14/11/2013 cho anh Bùi Anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi

Anh Bùi Anh H và chị Nguyễn Thị T không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Anh H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu AC-21P số 0004151 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Anh Bùi Anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã T (01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái